

## NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017.
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017.

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1.	<b>Điểm a, khoản 1, Điều 1</b> "Vốn điều lệ" là <b>số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp</b> và quy định tại <b>Điều 5</b> Điều lệ này	<b>Điểm a, khoản 1, Điều 1</b> Vốn điều lệ" là <b>tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp</b> và quy định tại <b>Điều 6</b> Điều lệ này;	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 111 LDN2014
2.	<b>Điểm b, khoản 1, Điều 1</b> "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số <b>60/2005/QH11</b> được Quốc hội nước CHXNCNVN thông qua ngày <b>29/11/2005</b> , có hiệu lực thi hành từ ngày <b>01/07/2006</b> và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Doanh nghiệp (nếu có) tại từng thời điểm.	<b>Điểm b, khoản 1, Điều 1</b> "Luật Doanh nghiệp" là <b>Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13</b> được Quốc hội thông qua ngày <b>26 tháng 11 năm 2014</b> .	Sửa đổi phù hợp với luật doanh nghiệp hiện hành

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
3.	<b>Điểm c, khoản 1, Điều 1</b> “Ngày thành lập” là ngày được ghi nhận trong <b>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b> lần đầu của Công ty	<b>Điểm d, khoản 1, Điều 1</b> “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</b> lần đầu	Sửa đổi theo cách dùng thuật ngữ trong LDN2014
4.	<b>Chưa quy định</b>	<b>Điểm c, khoản 1, Điều 1</b> “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010	Bổ sung phù hợp luật hiện hành
5.	<b>Điểm m, khoản 1, Điều 1</b> “Luật Chứng Khoán” là <b>Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11</b> được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2007; và Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật Chứng khoán (nếu có) tại từng thời điểm.	<b>Điểm c, khoản 1, Điều 1</b> “Luật chứng khoán” là <b>Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006</b> và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010	Bổ sung phù hợp luật hiện hành
6.	<b>Điểm g, khoản 1, Điều 1</b> “ <b>Người quản lý</b> ” là các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	<b>Điểm e, khoản 1, Điều 1</b> “ <b>Người điều hành doanh nghiệp</b> ” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5, Điều 2, NĐ71

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
7.	<p><b>Điểm s, khoản 1, Điều 1</b></p> <p>“Thành viên HĐQT độc lập” là thành viên HĐQT đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>-Là thành viên HĐQT không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng giám đốc, Phó TGD, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được HĐQT bổ nhiệm.</p> <p>...</p> <p>-Không phải là đối tác hoặc người có liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ 30% trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào của Công ty trong 02 năm gần nhất.</p>	<p><b>Đề xuất bỏ</b></p>	<p>SPD không phải tuân thủ quy định này vì chỉ dành cho công ty niêm yết</p>
8.	<p><b>Điểm t, khoản 1, Điều 1</b></p> <p><b>“Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</b></p>	<p><b>Điểm h, khoản 1, Điều 1</b></p> <p><b>“Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 2, NĐ71</p>
9.	<p><b>Các điểm còn lại tại khoản 1 Điều 1</b></p>	<p><b>Không có sự thay đổi =&gt; Đề xuất rút gọn vì chỉnh mang tính hình thức</b></p>	
10.	<p><b>Khoản 4, Điều 1</b></p> <p>Các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa trong Luật</p>	<p><b>Đề xuất bỏ =&gt; Do các từ hoặc thuật ngữ được định nghĩa nếu có quy định trong LDN2014 hoặc các văn bản pháp luật khác phải hiểu chính xác</b></p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	<b>không được hiểu theo nghĩa tương tự</b>	
11.	<b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	Bổ sung cho phù hợp với nội dung tại Chương II
12.	<b>Khoản 4 Điều 2</b> Tổng Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	<b>Điều 3</b> a. <b>Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người.</b> Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. <b>b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty ...</b> ... e. ... thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 13 LDN2014 (Phải quy định rõ số lượng người đại diện pháp luật của Công ty)

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
13.	<p><b>Khoản 6 Điều 2</b></p> <p>Công ty có thể thành lập các Chi nhánh và Văn phòng đại diện ở nước ngoài để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty do Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật</p>	<p><b>Đề xuất bỏ =&gt; Vì nội dung này được hiểu cùng với Khoản 4 Điều 2 Dự thảo ĐL mới do không cần phân biệt chi nhánh và văn phòng đại diện thành lập trong hay ngoài nước chỉ cần thành lập phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép là đáp ứng quy định.</b></p>	
14.	<p><b>Khoản 7 Điều 2</b></p> <p>Công ty hoạt động không thời hạn kể từ ngày thành lập trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở quy định tại <b>điều 48</b> của Điều lệ này.</p>	<p><b>Khoản 6 Điều 2</b></p> <p>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo <b>khoản 2 Điều 51</b> hoặc gia hạn hoạt động theo <b>Điều 52</b> Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn</p>	Sửa đổi cho phù hợp (mặt dù là vô thời hạn nhưng trong trường hợp chấm dứt hoạt động khi đó cũng có thể xin gia hạn)
15.	<p><b>Các khoản còn lại của Điều 2</b></p>	<p><b>Không có sự thay đổi</b></p>	
16.	<p><b>Khoản 1 Điều 3</b></p> <p><b>Lĩnh vực kinh doanh</b> của Công ty là ...</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 4</b></p> <p><b>Ngành, nghề kinh doanh</b> của Công ty là ...</p>	Sửa đổi phù hợp với thuật ngữ dùng tại Điểm b, Khoản 1, Điều 25 LDN2014
17.	<p><b>Khoản 2 Điều 3</b></p>	<p><b>Không có sự thay đổi</b></p>	
18.	<p><b>Điều 4</b></p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của <b>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều</b></p>	<p><b>Điều 5</b></p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh <b>theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin</b></p>	Sửa đổi phù hợp điểm a, Khoản 1, Điều 33 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>lệ này</b> phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các <b>lĩnh vực</b> khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p><b>đăng ký doanh nghiệp quốc gia</b> và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các <b>ngành, nghề</b> khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với thuật ngữ dùng tại Điểm b, Khoản 1, Điều 25 LDN2014</p>
19.	<p><b>Khoản 2 Điều 5</b></p> <p>Công ty có thể <b>tăng vốn</b> điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 6</b></p> <p>Công ty có thể <b>thay đổi</b> vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với thực tế có thể tăng vốn theo Điều 122 hoặc giảm vốn theo Khoản 2, Điều 131 LDN2014</p>
20.	<p><b>Khoản 3 Điều 5</b></p> <p>Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thông qua điều lệ này là Cổ phần phổ thông.</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 6</b></p> <p>Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. <b>Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này</b></p>	<p>Sửa đổi cho rõ nghĩa</p>
21.	<p><b>Khoản 6 Điều 5</b></p> <p>...Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, <b>trừ trường hợp Đại hội</b></p>	<p><b>Khoản 6 Điều 6</b></p> <p>...Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, <b>trừ trường hợp cổ phần được bán</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với quy định tại Khoản 3, Điều 124 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<b>đồng cổ đông chấp thuận khác đi</b> hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.	qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.	
22.	<b>Khoản 8 Điều 5</b> Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua <b>bảng văn bản</b> và phù hợp với quy định của pháp luật <b>về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</b>	<b>Khoản 8 Điều 6</b> Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bảng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật.	Có thể thông qua bằng nhiều hình thức không nhất thiết bằng văn bản. Vi không chỉ tuân thủ theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán còn phải tuân thủ LDN2014.
23.	<b>Các khoản còn lại của Điều 5</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
24.	<b>Khoản 1 Điều 6</b> Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, <b>có các nội dung chủ yếu theo qui định tại khoản 1- Điều 85- Luật Doanh nghiệp. Riêng đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có) của Công ty còn có các nội dung qui định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 -Luật Doanh Nghiệp</b>	<b>Khoản 1 Điều 7</b> Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.	Tóm gọn vì hiện nhiên phải tuân thủ theo LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
25.	<p><b>Khoản 2 Điều 6</b></p> <p>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng cổ phiếu và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 7</b></p> <p>Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 120 LDN2014</p>
26.	<p><b>Khoản 3 Điều 6</b></p> <p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu <b>hoặc bất kỳ một khoản phí nào.</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 7</b></p> <p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Rút gọn (thường các doanh nghiệp có thể thu lệ phí cấp sổ cổ phần)</p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
27.	<p><b>Khoản 4 Điều 6</b></p> <p>Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng nhận cổ phiếu, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ (nộp lại Công ty) và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.</p>	<p><b>Đề xuất bỏ</b></p>	<p>Không phù hợp khi đặt tại điều này (Chứng nhận cổ phiếu) Sẽ tuân thủ theo Khoản 6 Điều 126 LDN2014</p>
28.	<p><b>Khoản 5 Điều 6</b></p> <p>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <b>bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa, bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy</b>, người sở hữu cổ phiếu đó có thể <b>yêu cầu</b> và được cấp chứng nhận cổ phiếu mới tương ứng nhưng với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, nộp chứng nhận cũ (trường hợp bị hư hỏng, tẩy xóa) và bồi thường (nếu có), thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 7</b></p> <p>Trường hợp chứng nhận cổ phiếu <b>bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng</b>, người sở hữu cổ phiếu đó có thể <b>đề nghị</b> được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 120 LDN2014</p>
29.	<p><b>Điều 7</b></p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (<b>trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự</b>) sẽ được phát hành <b>có dấu và chữ ký mẫu</b> của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.</p>	<p><b>Điều 8</b></p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có <b>chữ ký</b> của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	<p>Phải ký thực trên các chứng chỉ chứng khoán này không được dùng chữ ký mẫu (Tương tự việc tuân thủ quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 120 LDN2014)</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
30.	<p><b>Khoản 1, Khoản 2 Điều 8</b></p> <p>1. Tất cả các cổ phần đều có thể tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <b>Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán</b> được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p><b>Khoản 1, Khoản 2 Điều 9</b></p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. <b>Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán</b> được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, <b>quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</b></p>	<p>SPD là cổ phiếu UPCoM nên được gọi là cổ phiếu đăng ký giao dịch.</p> <p>Bổ sung để có thể bao quát thêm các trường hợp được hưởng quyền lợi của cổ phiếu.</p>
31.	<b>Các khoản còn lại của Điều 9</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
32.	<p><b>Khoản 4 Điều 9</b></p> <p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 10</b></p> <p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán <b>quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp</b>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp</p>	Bổ sung làm rõ thông tin đối với cổ phần bị thu hồi
33.	<b>Điều 10</b>	<b>Điều 11</b>	Sửa đổi vì phần định nghĩa “Người điều hành doanh

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>Hội đồng quản trị;</li> <li>Giám đốc <b>điều hành</b>;</li> <li>Ban kiểm soát.</li> </ol>	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>Hội đồng quản trị;</li> <li>Ban kiểm soát;</li> <li>Tổng Giám đốc.</li> </ol>	nghiệp” đã bao gồm Tổng Giám đốc nên không cần dùng thêm cụm từ “điều hành”
34.	<b>Khoản 1 Điều 11</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
35.	<b>Khoản 2 Điều 11</b> 2. <b>Người nắm giữ cổ phần phổ thông</b> có các quyền sau: <ol style="list-style-type: none"> <li><b>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.</b></li> <li><b>Nhận cổ tức;</b></li> <li>Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</li> <li>Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;</li> </ol>	<b>Khoản 2 Điều 12</b> 2. <b>Cổ đông phổ thông</b> có các quyền sau: <ol style="list-style-type: none"> <li><b>Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</b></li> <li><b>Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</b></li> <li>Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</li> <li>Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở</li> </ol>	Sửa đổi phù hợp với Điều 114 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi nếu thông tin không chính xác;</p> <p>f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến danh sách cổ đông đủ tư cách tham dự đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p>	<p>hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p> <p>i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;</p> <p>j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) phát sinh sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
36.	<p><b>Điểm a, b Khoản 3 Điều 11</b></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên có quyền:</p> <p>a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại các <b>Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32;</b></p> <p>b. <b>Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHCD theo các qui định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh Nghiệp;</b></p>	<p><b>Điểm a, b Khoản 3 Điều 12</b></p> <p>3.Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng <b>tại Điều 25 và Điều 35 Điều lệ này;</b></p> <p>b. <b>Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</b></p>	Sửa đổi cho phù hợp
37.	Các điểm còn lại của Khoản 3 Điều 11	Không có sự thay đổi	
38.	Điều 12	Không có sự thay đổi (Chuyển thành Điều 13)	
39.	<p>Điều 12</p> <p>Chưa quy định</p>	<p><b>Khoản 2, Điều 13</b></p> <p>....</p> <p><b>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/ bầu cử thông qua các hình thức sau:</b></p>	Bổ sung phù hợp với Khoản 2 Điều 140 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;</li> <li>c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>d. Gửi phiếu biểu quyết/ bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</li> </ul>	
40.	<b>Khoản 1 Điều 13</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
41.	<p><b>Khoản 2 Điều 13</b></p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, <b>đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.</b> Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 14</b></p> <p>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt <b>thông qua báo cáo tài chính năm và kế hoạch cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 8 ND71

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
42.	<p><b>Khoản 3 Điều 13</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</li> <li>b. <b>Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo hàng quý, sáu tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;</b></li> <li>c. <b>Khi số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ này;</b></li> <li>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <b>Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này</b> yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. <b>Yêu cầu triệu tập phải phải nêu rõ lý do và mục đích của cuộc họp và phải có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</b></li> <li>e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp</li> </ul>	<p><b>Khoản 3 Điều 14</b></p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</li> <li>b. <b>Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</b></li> <li>c. <b>Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</b></li> <li>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại <b>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</b> yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, <b>trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</b></li> <li>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng</li> </ul>	<p>Sửa đổi cho phù hợp vì TDB không phải lập BCTC Quý và bán niên soát xét.</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 136, Khoản 3 Điều 156 LDN2014</p> <p>Sửa đổi nhằm tham chiếu cho phù hợp</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>điều 119 Luật Doanh nghiệp</b> hoặc Hội đồng quản trị hành động hay có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 160 Luật doanh nghiệp</b> hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
43.	<p><b>Khoản 4 Điều 13</b></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại <b>điểm c Khoản 3 Điều 13</b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại các <b>điểm d, e Khoản 3 Điều 13</b>.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>điểm a Khoản 4 Điều 13</b> thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 14</b></p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập hội đồng quản trị, Kiểm soát viên còn lại như quy định tại <b>Điểm c Khoản 0 Điều 14</b> hoặc nhận được yêu cầu quy định tại <b>Điểm d và Điểm e Khoản 0 Điều 14</b>;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Điểm a Khoản 4 Điều 14</b> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định</p>	Sửa đổi nhằm tham chiếu cho phù hợp



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>điểm b Khoản 4 Điều 13</b> thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <b>điểm d Khoản 3 Điều 13</b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p>d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>có quyền</b> đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p><b>Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</b></p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại <b>Điểm b Khoản 4 Điều 14</b> thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <b>Điểm d Khoản 3 Điều 14</b> có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định <b>Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b>có thể</b> đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
44.	<b>Khoản 1 Điều 14</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
45.	<p><b>Khoản 2 Điều 14</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p><b>l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua bán có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.;</b></p> <p><b>m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</b></p> <p><b>n. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời kiêm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành;</b></p> <p><b>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</b></p>	<p><b>Khoản 2 Điều 15</b></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>...</p> <p><b>m. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</b></p> <p><b>n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</b></p> <p><b>o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</b></p> <p><b>p. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 2, Điều 135 LDN2014</p> <p>Bỏ điểm n Khoản 2 Điều 14 đi vì NĐ71 trong vòng 3 năm nữa CT HĐQT không được kiêm nhiệm Giám đốc</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;		
46.	<p><b>Khoản 3 Điều 14</b></p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Các hợp đồng quy định tại <b>Điểm 1 và Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này</b> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó <b>trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 15</b></p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại <b>khoản 2 Điều 15</b> khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó <b>trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</b></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp</p> <p>Bổ sung nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông</p>
47.	<b>Khoản 4 Điều 14</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
48.	<p><b>Khoản 1 Điều 15</b></p> <p>Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 16</b></p> <p>Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội</p>	Sửa đổi cho cụ thể

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>đồng theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền <b>cho đại diện của mình</b> tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện</p>	<p>đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền <b>cho cá nhân, tổ chức đại diện</b> tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	
49.	<p><b>Khoản 2 Điều 15</b></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo các quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và <b>người được ủy quyền dự họp</b>;</p> <p>b. <b>Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền</b> thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>d. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 16</b></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và <b>cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp</b>;</p> <p>b. <b>Trường hợp cổ đông tổ chức</b> là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền</p>	<p>Sửa đổi cho rõ ràng</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền <b>khí đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</b>	Theo khoản 1 Điều 140, LDN 2014
50.	<b>Khoản 3 Điều 15</b> Trường hợp luật sư thay mặt người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với <b>thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó</b> (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	<b>Khoản 3 Điều 16</b> Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với <b>giấy uỷ quyền cho luật sư</b> (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Sửa đổi cho phù hợp với thuật ngữ dùng tại ND71 (Khoản 1 Điều 8)
51.	<b>Khoản 4 Điều 15</b> 4. Trừ trường hợp quy định tại <b>Khoản 3 Điều 15</b> , phiếu <b>biểu quyết</b> của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	<b>Khoản 4 Điều 16</b> 4. Trừ trường hợp quy định tại <b>Khoản 3 Điều 16</b> , phiếu <b>biểu quyết/phiếu bầu cử</b> của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	Sửa đổi cho phù hợp
52.	<b>Khoản 1,2 Điều 16</b> 1. <b>Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời</b>	<b>Khoản 1,2 Điều 17</b> 1. <b>Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời</b>	Sửa đổi phù hợp với tỷ lệ cao nhất thông qua các vấn đề đặc biệt

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.</b> Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <b>Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.</b></p>	<p><b>được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</b> Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại <b>Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</b></p>	Sửa đổi cho phù hợp
53.	<b>Khoản 3 Điều 16</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
54.	<p><b>Khoản 2 Điều 17</b></p> <p>1. ...</p> <p>2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <b>những nhiệm vụ</b> sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất <b>30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty;</b></p> <p>b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 18</b></p> <p>1. ....</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện <b>các công việc</b> sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. <b>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn <b>mười (10)</b> ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. <b>Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</b></p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. <b>Các công việc khác phục vụ đại hội.</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 137 và Khoản 7, Điều 136 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
55.	<p><b>Khoản 3 Điều 17</b></p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi <b>ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông</b>, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. <b>Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 18</b></p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và <b>Ủy ban chứng khoán Nhà nước</b>, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <b>chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b> (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. <b>Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</b></li> <li><b>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</b></li> </ul>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1,2 Điều 139 LDN 2014</p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p><i>c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;</i></p> <p><i>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</i></p> <p><i>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</i></p>	
56.	<p><b>Khoản 4 Điều 17</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại <b>Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này</b> có quyền <b>đề xuất</b> các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ, tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần mà người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 18</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại <b>khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</b> có quyền <b>kiến nghị</b> vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, <b>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 138 LDN2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Điểm c, Khoản 3, Điều 114 LDN 2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
57.	<p><b>Khoản 5 Điều 17</b></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những <b>đề xuất</b> liên quan đến <b>Khoản 4 của Điều 17</b> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <b>Đề xuất</b> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm <b>đề xuất</b>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ <b>ít nhất 5%</b> tổng số cổ phần phổ thông trong một thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng.</p> <p>c. Vấn đề <b>đề xuất</b> không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p><b>Khoản 5 Điều 18</b></p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối <b>kiến nghị</b> liên quan đến <b>Khoản Error! Reference source not found. Điều 18</b> nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <b>Kiến nghị</b> được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm <b>kiến nghị</b>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ <b>từ 5%</b> cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề <b>kiến nghị</b> không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 138 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
58.	<p><b>Khoản 6,7 Điều 17</b></p> <p><b>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.</b></p> <p><b>7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</b></p>	<p><b>Đề xuất bỏ</b></p>	<p>Đã được LDN2014 quy định bắt buộc phải tuân thủ, không phù hợp đặt tại nội dung về <b>“Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông”</b></p>
59.	<p><b>Điều 18</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</li> <li>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm <b>án định</b> khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có</li> </ol>	<p><b>Điều 19</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</li> <li>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm <b>xác định</b> khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít</li> </ol>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành <b>không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự</b> và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.</p> <p>4. Theo đề nghị Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này..</p>	<p>nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành <b>không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp</b>, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p> <p><b>Đề xuất bỏ</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 141 LDN2014</p> <p>Đã được quy định tại Khoản 4 Điều 141 LDN2014 không phù hợp khi đề cập tại nội dung <b>“Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông”</b></p>
60.	<p><b>Khoản 1 Điều 19</b></p> <p><b>Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông</b>, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 20</b></p> <p><b>Trước khi khai mạc cuộc họp</b>, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 142 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
61.	<p><b>Khoản 2 Điều 19</b></p> <p>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số cổ đông tham dự họp những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ toạ sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban Kiểm phiếu không quá 03 người.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 20</b></p> <p>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại phiên họp, việc tán thành các vấn đề được biểu quyết trước, việc không tán thành được biểu quyết sau, cuối cùng xác định tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điểm d khoản 1 Điều 142 LDN 2014. Quy định về số lượng người của ban kiểm phiếu đã không còn.</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
62.	<p><b>Khoản 3 Điều 19</b></p> <p><b>Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn</b> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và <b>biểu quyết</b> ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và <b>hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 20</b></p> <p><b>Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn</b> có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và <b>biểu quyết/bầu cử</b> tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và <b>hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 142 LDN 2014
63.	<p><b>Khoản 4 Điều 19</b></p> <p><b>Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu 1 người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</b></p> <p><b>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</b></p>	<p><b>Khoản 4 Điều 20</b></p> <p><b>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</b></p> <p><b>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Điểm a, khoản 2 Điều 142 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p><b>chủ tọa cuộc họp.</b></p>	
64.	<p><b>Khoản 5 Điều 19</b></p> <p>Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.</p>	<p><b>Khoản 5 Điều 20</b></p> <p>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 142 LDN2014</p>
65.	<p><b>Khoản 6,7 Điều 19</b></p> <p>6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:</p> <p>a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội,</p>	<p><b>Khoản 6 Điều 20</b></p> <p>Chủ tọa có thể hoãn phiên họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 8, Điều 142 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>b. Vành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc</b></p> <p><b>c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.</b></p> <p>Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p> <p><b>7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.</b></p>		



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
66.	<p><b>Khoản 8 Điều 19</b></p> <p>Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p>	<p><b>Khoản 7 Điều 20</b></p> <p>Chủ tọa phiên họp có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4, Điều 142 LDN2014
67.	<p><b>Khoản 9 Điều 19</b></p> <p>Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông <b>chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp.</b> Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, <b>Hội đồng quản trị</b> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.</p>	<p><b>Khoản 8 Điều 20</b></p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có <b>quyền yêu cầu</b> các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông <b>chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.</b> Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, <b>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 7, Điều 142 LDN2014
68.	<p><b>Khoản 10 Điều 19</b></p> <p>10. <b>Hội đồng quản trị</b>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p><b>a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm</b></p>	<p><b>Khoản 9 Điều 20</b></p> <p>9. <b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b>, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 7, Điều 142 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>chính họp Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự đại hội.</p> <p><b>Hội đồng quản trị</b> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p><b>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. <b>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	
69.	<p><b>Khoản 11 Điều 19</b></p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, <b>Hội đồng quản trị</b> khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của đại hội);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người</p>	<p><b>Khoản 10 Điều 20</b></p> <p>10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, <b>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</b> khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p> <p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p>theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	
70.	<b>Khoản 12 Điều 19</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
71.	<p><b>Khoản 1,2 Điều 20</b></p> <p><b>Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của mình bằng hình thức biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</b></p> <p><b>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>Khoản 1 Điều 21</b></p> <p><b>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được uỷ quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</b></p> <p><b>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</b></p> <p><b>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1,2 Điều 144 LDN2014 và quy định cụ thể đối với trường họp lấy ý kiến bằng văn bản.</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.</p> <p>Việc biểu quyết bầu, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc sáp nhập, tổ chức lại, giải thể Công ty; giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo số</p>	<p>doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>		
72.	<p><b>Chưa quy định</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 21</b></p> <p>Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như</p>	<p>Bổ sung phù hợp với khoản 3 Điều 144 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p>	
73.	<b>Khoản 1 Điều 21</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
74.	<p><b>Khoản 2 Điều 21</b></p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. <b>Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</b></p>	<p><b>Khoản 2 Điều 22</b></p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. <b>Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 145 LDN2014</p>
75.	<p><b>Điểm a Khoản 3 Điều 21</b></p> <p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và <b>ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty</b></p>	<p><b>Điểm a Khoản 3 Điều 22</b></p> <p><b>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 145 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
76.	<p><b>Điểm c Khoản 3 Điều 21</b></p> <p>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, <b>địa chỉ thường trú</b>, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc <b>số đăng ký kinh doanh</b> của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông</p>	<p><b>Điểm c Khoản 3 Điều 22</b></p> <p>Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <b>số Thẻ căn cước công dân</b>, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, <b>mã số doanh nghiệp</b> hoặc số quyết định thành lập, <b>địa chỉ trụ sở chính</b> của cổ đông là tổ chức hoặc <b>họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</b> của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 145 LDN2014
77.	Chưa quy định	<p><b>Điểm e Khoản 3 Điều 22</b></p> <p><b>Phương án bầu cử (nếu có);</b></p>	Dùng cho trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu cử
78.	<b>Các điểm còn lại của Khoản 3 Điều 21</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
79.	<p><b>Khoản 4 Điều 21</b></p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, <b>của người đại diện theo ủy quyền</b> hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p>	<p><b>Khoản 4,5 Điều 22</b></p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức <b>hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4, Điều 145 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ</p>	<p><b>chức được ủy quyền.</b></p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. <b>Gửi thư:</b> Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. <b>Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</b></p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu <b>trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</b></p>	
80.	<p><b>Khoản 5 Điều 21</b></p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <b>không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.</b> Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p><b>Khoản 6 Điều 22</b></p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <b>không phải là người điều hành doanh nghiệp.</b> Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>	<p>Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71. Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 145 LDN2014</p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia <b>biểu quyết</b>, trong đó phân biệt số phiếu <b>biểu quyết</b> hợp lệ và số <b>biểu quyết</b> không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia <b>biểu quyết</b>;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác</p>	<p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu <b>biểu quyết/phiếu bầu</b> cử đã tham gia <b>biểu quyết/bầu cử</b>, trong đó phân biệt số phiếu <b>biểu quyết/phiếu bầu</b> cử hợp lệ và số biểu quyết/ phiếu bầu cử không hợp lệ, <b>phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử</b>, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia <b>biểu quyết/ bầu cử</b>;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, <b>người kiểm phiếu</b> và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, <b>người kiểm phiếu</b> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	
81.	<p><b>Khoản 6 Điều 21</b></p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu</p>	<p><b>Khoản 7 Điều 22</b></p> <p>Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <b>Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 6, Điều 145 LDN2014
82.	<b>Khoản 7 Điều 21</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
83.	<p><b>Khoản 8 Điều 21</b></p> <p>Quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được ít nhất 75% tổng số phiếu có quyền biểu quyết chấp thuận đối với mọi vấn đề và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><b>Khoản 9 Điều 22</b></p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo <b>điều 21 Điều lệ này</b> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với điều 21 đã sửa đổi

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
84.	Chưa quy định	<p><b>Khoản 1,2 Điều 23</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</li> <li>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</li> <li>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</li> <li>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</li> <li>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</li> <li>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý</li> </ol> </li> </ol>	Bổ sung phù hợp với Khoản 1, Điều 146 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);</p> <p>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p>	<p>Bổ sung phù hợp với Khoản 2 và 3 Điều 146 LDN2014</p>
85.	<p><b>Điều 22</b></p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản họp Đại hội đồng và <b>công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trên Website của Công ty trong vòng 24 giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn</b></p>	<p><b>Khoản 3,4,5 Điều 23</b></p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <b>phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 146 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>mười lăm (15) ngày kể từ ngày sau khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</b> Các biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản. Các biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ toạ đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền dự họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><b>cuộc họp.</b></p> <p>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
86.	<p><b>Điều 23</b></p> <p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, <b>thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, Ban Kiểm soát</b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</p>	<p><b>Điều 24</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <b>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</b> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục <b>triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 147 LDN 2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p><b>của Đại hội đồng cổ đông</b> không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	
87.	<p><b>Khoản 1 Điều 24</b></p> <p>Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm bằng hình thức bỏ phiếu kín.</p> <p>Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 5 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b>Tổng số thành viên HĐQT không điều hành hoặc thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành/ độc lập được xác định theo phương thức làm tròn</b></p>	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 26</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <b>05</b> người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế..</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p><b>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 150 LDN 2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 4, Khoản 5 Điều 13 NĐ71</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	xuống.	tròn xuống	
88.	Chưa quy định	<p><b>Khoản 1 Điều 25</b></p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b. Trình độ học vấn;</li> <li>c. Trình độ chuyên môn;</li> <li>d. Quá trình công tác;</li> </ol>	Bổ sung phù hợp với Điều a, Khoản 3, Điều 8, TT155 & Khoản 1, Điều 11, ND71

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<ul style="list-style-type: none"> <li>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</li> <li>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</li> <li>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</li> <li>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</li> <li>i. Các thông tin khác (nếu có).</li> </ul>	
89.	<p><b>Khoản 2 Điều 24</b></p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05)</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 25</b></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06)</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 114 LDN2014



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám (08) ứng viên trở lên.	
90.	<p><b>Khoản 3 Điều 24</b></p> <p>Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. <b>Cơ chế đề cử hay cách thức</b> Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử..</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 25</b></p> <p>Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định <b>tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục</b> Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử <b>theo quy định pháp luật.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 11 NĐ71
91.	<p><b>Khoản 4 Điều 24</b></p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau đây ...</p>	<b>Đề xuất bỏ</b>	Không phù hợp đặt ở Điều 25 và đã có quy định rõ trong LDN
92.	<p><b>Khoản 5 Điều 24</b></p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 26</b></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 156 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị</li> <li>b. Bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</li> <li><b>c. Vắng mặt trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.</b></li> <li><b>d. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản.</b></li> <li>e. Bị bãi miễn chức vụ thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li><b>b. Có đơn từ chức;</b></li> <li>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</li> <li><b>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</b></li> <li>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</li> </ul>	
93.	<p><b>Khoản 6 Điều 24</b></p> <p>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại</p>	<p><b>Đề xuất bỏ</b></p>	<p>Quy định này bắt buộc phải tuân thủ tại Khoản 3 Điều 156 LDN 2014. Mặc khác hiện nay NĐ71 đã bỏ đi quy định về việc bầu tạm thời TV</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>		<p>HĐQT (trước đó TT121 có quy định nội dung này).</p>
94.	<p><b>Khoản 7,8 Điều 24</b></p>	<p><b>Không có sự thay đổi</b></p>	
95.	<p><b>Khoản 1 Điều 25</b></p> <p>Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm <b>quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p><b>Khoản 1 Điều 27</b></p> <p>Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các <b>quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông</b>.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 149 LDN 2014</p>
96.	<p><b>Khoản 2 Điều 25</b></p> <p>Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý</p>	<p><b>Đề xuất bỏ</b></p>	<p>Nội dung không được quy định trong LDN2014 &amp; NĐ71</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
97.	<p><b>Khoản 3 Điều 25</b></p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</b></li> <li>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>c. <b>Bổ nhiệm và bãi nhiệm những người quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của những người đó;</b></li> <li>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</li> <li>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <b>cán bộ quản lý</b> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại <b>cán bộ quản lý đó</b>;</li> <li>f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng</li> </ul>	<p><b>Khoản 2 Điều 27</b></p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</b></li> <li>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>c. <b>Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</b></li> <li>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;</li> <li>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với <b>người điều hành doanh nghiệp</b> cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với <b>người điều hành đó</b>;</li> <li>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc</li> </ul>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 149 LDN 2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay người quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.</p>	<p><b>thành lập/dừng hoạt động/giải thể đối với công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</b></p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. <b>Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</b></p> <p>i. <b>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</b></p> <p><b>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</b></p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p> <p><b>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo tình hình quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p>	
98.	<p><b>Khoản 4 Điều 25</b></p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p><b>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi hoặc hủy bỏ các hợp đồng lớn của</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 27</b></p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại <b>khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp</b> và trừ trường hợp quy định tại <b>khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp</b> phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thu tóm công ty và liên doanh);</p> <p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty</p> <p>f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá mức 15.000.000.000 đồng Việt Nam (Mười lăm tỷ đồng) hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở VN hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p><b>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không</b></p>	<p>d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá mười lăm (15) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p><b>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</b></p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 130 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>quá 10% mỗi loại cổ phần;</b></p> <p>j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.</p>	<p>của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>	
99.	<p><b>Khoản 5, 6 Điều 25</b></p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và <b>những người quản lý khác</b> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <b>các cán bộ quản lý</b> đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty</p>	<p><b>Khoản 4, 5 Điều 27</b></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và <b>người điều hành khác</b> trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <b>người điều hành</b> khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty</p>	Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71.
100.	<b>Khoản 7 Điều 25</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
101.	<p><b>Khoản 8 Điều 25</b></p> <p>Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 28</b></p> <p>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. <b>Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</b></p>	<p>Bổ sung phù hợp với Khoản 3 Điều 158 LDN2014</p>
102.	<p><b>Khoản 1 Điều 26</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. <b>Trừ khi ĐHĐCD quyết định khác, chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ Tổng GD điều hành Công ty. Việc Chủ tịch HĐQT Công ty kiêm nhiệm chức vụ Tổng GD điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại ĐHĐCD thường niên.</b></p>	<p><b>Khoản 1 Điều 29</b></p> <p>Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 12 NĐ71</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
103.	<p><b>Khoản 2 Điều 26</b></p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có <b>trách nhiệm</b> triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và <b>trách nhiệm</b> khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 29</b></p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có <b>nghĩa vụ</b> chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Đại hội cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 152 LDN 2014</p> <p>Công ty không có Phó chủ tịch</p>
104.	<p><b>Khoản 3 Điều 26</b></p>	<p><b>Không có sự thay đổi</b></p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
105.	<p><b>Khoản 4 Điều 26</b></p> <p>Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 29</b></p> <p><b>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</b> Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 152 LDN 2014.</p>
106.	<p><b>Khoản 1 Điều 27</b></p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã được bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập Hội đồng quản trị</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 30</b></p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất <b>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập</b>. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất <b>hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất</b> thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 153 LDN 2014</p>
107.	<p><b>Khoản 2 Điều 27</b></p> <p>Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm <b>hợp ít nhất 05 ngày trước ngày họp dự kiến</b>. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 30</b></p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ <b>và bất thường</b>, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp <b>ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp</b>. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết,</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp tránh những ngày nghỉ lễ</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần	nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần	
108.	<p><b>Khoản 3 Điều 27</b></p> <p>3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tổng Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 5 người quản lý khác của Công ty;</li> <li>b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</li> <li>d. <b>Đa số thành viên Ban kiểm soát.</b></li> </ul>	<p><b>Khoản 3 Điều 30</b></p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Ban kiểm soát;</li> <li>b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;</li> <li>c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Các trường hợp khác (nếu có).</li> </ul>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 153 LDN2014
109.	<p><b>Khoản 4 Điều 27</b></p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này <b>phải được tiến hành</b> trong thời hạn <b>15 ngày</b> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 30</b></p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị <b>phải triệu tập</b> họp Hội đồng quản trị trong <b>thời hạn bảy (07) ngày làm việc</b>, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 153 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập ở <b>Khoản 3 Điều 27</b> có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị	nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại <b>khoản 3 Điều 30</b> có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị	
110.	<b>Khoản 5 Điều 27</b> Trường hợp có yêu cầu của <b>kiểm toán viên độc lập</b> , Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty	<b>Khoản 5 Điều 30</b> Trường hợp có yêu cầu của <b>công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty</b> , Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty	Sửa đổi cho rõ ràng
111.	<b>Khoản 6 Điều 27</b> Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở <b>địa chỉ đã đăng ký của Công ty</b> hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị	<b>Khoản 6 Điều 30</b> Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại <b>trụ sở chính của Công ty</b> hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 153 LDN2014
112.	<b>Khoản 7 Điều 27</b> Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 ngày trước khi tổ chức họp; các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc <b>từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố</b> . Thông	<b>Khoản 7 Điều 30</b> Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị <b>và các Kiểm soát viên</b> ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, <b>việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của</b>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 7 Điều 153 LDN2014.  Sửa đổi cho rõ ràng

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản, bao gồm chương trình họp, thời gian và địa điểm họp cùng những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được <b>bàn bạc</b> và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các <b>phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp</b>.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p>	<p><b>thành viên Hội đồng quản trị đó</b>. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được <b>thảo luận</b> và biểu quyết tại cuộc họp và <b>phiếu biểu quyết của thành viên</b>.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và <b>các Kiểm soát viên</b> được đăng ký tại Công ty.</p>	
113.	<p><b>Khoản 8 Điều 27</b></p> <p>Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p>	<p><b>Khoản 8 Điều 30</b></p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) <b>nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận</b>.</p> <p><b>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 8 Điều 153 LDN 2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<b>quản trị dự hợp</b>	
114.	<p><b>Khoản 9 Điều 27</b></p> <p>9. Biểu quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại <b>điểm b Khoản 9 Điều 27</b>, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào <b>số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt</b> để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại <b>điểm d Khoản 9 Điều 28</b>, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc</p>	<p><b>Khoản 11 Điều 30</b></p> <p>11. Biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại <b>điểm b khoản 11 Điều 30</b>, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo <b>quy định tại khoản 8 Điều này</b> trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào <b>tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt</b> để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại <b>điểm d khoản 11 Điều</b></p>	Sửa đổi cho phù hợp

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>hợp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại các <b>điểm a và b Khoản 4 Điều 34 của Điều lệ này</b> sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p>	<p><b>30</b>, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <b>điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này</b> được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. <b>Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 7 Điều 153 LDN 2014</p>
115.	<p><b>Khoản 10 Điều 27</b></p> <p><b>Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất,</b></p>	<p><b>Khoản 12 Điều 30</b></p> <p><b>Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này</b></p>	<p>Sửa đổi cho rõ ràng hơn</p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>	<p>tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p>	
116.	<p><b>Khoản 11 Điều 27</b></p>	<p><b>Không có sự thay đổi</b></p>	
117.	<p><b>Khoản 12 Điều 27</b></p> <p>12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức <b>ng nghị sự</b> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</li> <li>b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với</li> </ol>	<p><b>Khoản 9, 10 Điều 30</b></p> <p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức <b>hội nghị trực tuyến</b> giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</li> <li>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận</li> </ol>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điểm c khoản 8 Điều 153 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, <b>hoặc nếu không có một nhóm như vậy</b>, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>	<p>giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, <b>hoặc là</b> địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>10. <b>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự</b></p>	<p>Bổ sung phù hợp với Điểm d khoản 9 Điều 153 LDN 2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p><b>họp.</b></p>	
118.	<p><b>Khoản 13 Điều 27</b></p> <p><b>13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li><b>a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;</b></li> <li><b>b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.</b></li> </ul> <p><b>Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.</b></p>	<p><b>Khoản 14 Điều 30</b></p> <p><b>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</b></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Khoản 2 Điều 16 NĐ71 không nhất thiết phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết mà chỉ cần có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản.</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
119.	<p><b>Khoản 14 Điều 27</b></p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.</p>	<p><b>Khoản 15 Điều 30</b></p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điểm i khoản 1 Điều 154 LDN 2014</p>
120.	<p><b>CHƯƠNG VIII: GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b></p>	<p><b>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b></p>	
121.	<p><b>Điều 28</b></p> <p>Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. <b>Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành, một số Phó Tổng Giám đốc điều hành, một Kế toán trưởng, các Giám đốc các đơn vị phụ thuộc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</b> Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc điều hành, Giám đốc</p>	<p><b>Điều 31</b></p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có <b>Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</b> Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>đơn vị phụ thuộc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.</p> <p>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người quản lý Công ty sẽ do HĐQT quyết định</p>	<p>trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	
122.	<p><b>Điều 29</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Theo đề nghị của <b>Tổng giám đốc điều hành</b> và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <b>người quản lý</b> cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. <b>Người quản lý</b> phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</li> <li>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với <b>Tổng Giám đốc điều hành</b> sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng lao động đối với <b>những người quản lý</b> sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của <b>Tổng Giám đốc điều hành</b>.</li> </ol>	<p><b>Điều 32</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Theo đề nghị của <b>Tổng giám đốc</b> và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <b>người điều hành khác</b> với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. <b>Người điều hành doanh nghiệp phải</b> có trách nhiệm miễn cần để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</li> <li>Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với <b>Tổng giám đốc</b> do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những <b>người điều hành khác</b> do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của <b>Tổng giám đốc</b>.</li> </ol>	<p>Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71.</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
123.	<p><b>Khoản 1 Điều 30</b></p> <p>Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định <b>mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác</b>. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của <b>Tổng giám đốc điều hành</b> phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p><b>Tổng Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người chưa thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</b></p>	<p><b>Khoản 1 Điều 33</b></p> <p>Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định <b>thù lao, tiền lương và lợi ích khác</b>. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của <b>Tổng Giám đốc</b> phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, <b>được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm</b> và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71 &amp; Khoản 3, Điều 158 LDN2014</p>
124.	<p><b>Khoản 2 Điều 30</b></p> <p>Nhiệm kỳ: Căn cứ Khoản 1 Điều 26 Điều Lệ Công ty, Tổng giám đốc có thể là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc <b>điều hành</b> là 03 năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 33</b></p> <p>Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và <b>phải đáp ứng các tiêu</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 157 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.	<b>chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</b>	
125.	<p><b>Khoản 3 Điều 30</b></p> <p>3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Tổng Giám đốc <b>điều hành</b> có những <b>quyền hạn và trách nhiệm</b> sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p><b>c. Kiến nghị những vị trí quản lý khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 35</b></p> <p>3. Tổng Giám đốc có các <b>quyền và nghĩa vụ</b> sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p><b>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 157 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của người quản lý;</b></p> <p>d. Chậm nhất là <b>30 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính hàng năm;</p> <p>e. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</p> <p>f. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty.</p> <p>g. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty. Bản kế hoạch cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua, bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp</p>	<p><b>doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</b></p> <p>f. Chậm nhất là <b>20 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính hàng năm;</p> <p>g. Chuẩn bị các bản kế hoạch dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản kế hoạch) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản kế hoạch hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>h. <b>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.</b></p>	



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	đồng lao động của Tổng Giám đốc điều hành và các quy định của pháp luật.		
126.	<p><b>Khoản 4, 5 Điều 30</b></p> <p>4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo <b>các cơ quan này</b> khi được yêu cầu.</p> <p>5. <b>Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành Công ty mới thay thế.</b></p>	<p><b>Khoản 4, 5 Điều 33</b></p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo <b>các cấp</b> này khi được yêu cầu.</p> <p>5. <b>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Điểm i Khoản 2 Điều 149 LDN2014
127.	<p><b>Điều 31</b></p> <p>Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về</p>	<p><b>Điều 34</b></p> <p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 152 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bỏ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</b></li> <li>b. <b>Làm biên bản các cuộc họp;</b></li> <li>c. <b>Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</b></li> <li>d. <b>Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</b></li> </ol> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bỏ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</b></li> <li>2. <b>Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</b></li> <li>3. <b>Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</b></li> <li>4. <b>Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</b></li> <li>5. <b>Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</b></li> <li>6. <b>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</b></li> </ol> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
128.	<b>CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</b>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
129.	<p><b>Khoản 2, 3 Điều 32</b></p> <p>2. Việc đề cử người đề bầu vào Ban Kiểm soát được thực hiện như sau: Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại <b>Quy chế nội bộ về quản trị công ty</b>. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử</p>	<p><b>Điều 35</b></p> <p><b>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</b></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm (05) ứng viên <b>trở lên</b>.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại <b>Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty</b>. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 19 NĐ71</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
130.	<p><b>Khoản 1, 4 Điều 32</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là <b>03 thành viên</b>. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý Công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</li> <li>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</li> <li>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng</li> </ol>	<p><b>Khoản 1, 2 Điều 36</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là <b>03 người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm</b> và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</li> <li>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b>khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp</b>, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. <b>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</b></li> <li>b. <b>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</b></li> </ol> </li> <li>3. <b>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</b> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</li> <li>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp</li> </ol> </li> </ol>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, 2 Điều 163 &amp; Khoản 1 Điều 164 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>4. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là <b>5 năm</b>. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p><b>các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</b></p> <p><b>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	
131.	<p><b>Khoản 5 Điều 32</b></p> <p><b>4. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</b></p> <p><b>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;</b></p> <p><b>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;</b></p> <p><b>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</b></p> <p><b>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ</b></p>	<p><b>Khoản 4, 5 Điều 36</b></p> <p><b>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</b></p> <p><b>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</b></p> <p><b>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</b></p> <p><b>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</b></p> <p><b>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</b></p> <p><b>5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</b></p> <p><b>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</b></p> <p><b>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 169 LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>trống;</b></p> <p><b>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</b></p>	<p><b>quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</b></p> <p><b>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p><b>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</b></p>	
132.	<b>Khoản 6 Điều 32</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
133.	<p><b>Khoản 1 Điều 33</b></p> <p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b>Điều 123 của Luật Doanh nghiệp</b> và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p><b>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;</b></p> <p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 37</b></p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại <b>Điều 165 Luật doanh nghiệp</b> và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p><b>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</b></p> <p>b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị,</p>	Sửa đổi cho phù hợp với LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.</p>	<p>Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>d. <b>Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</b></p> <p>e. <b>Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</b></p> <p>f. <b>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</b></p>	
134.	<p><b>Khoản 2 Điều 33</b></p> <p>Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc <b>điều hành và cán bộ quản lý</b> phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 37</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</b> phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 166 LDN 2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị</p>	<p>ngợi quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, <b>các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác</b> cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị</p>	
135.	<p><b>Khoản 3 Điều 33</b></p> <p>Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần trong một năm và <b>số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người</b></p>	<p><b>Khoản 3 Điều 37</b></p> <p>Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có <b>từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp</b></p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 23 NĐ71</p>
136.	<p><b>Khoản 4 Điều 33</b></p> <p>Mức thù lao cho các <b>thành viên Ban kiểm soát</b> do Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quy định. <b>Thành viên của Ban kiểm soát</b> cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 37</b></p> <p>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của <b>Kiểm soát viên</b> do Đại hội đồng cổ đông quyết định. <b>Kiểm soát viên</b> được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 167 LDN 2014</p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
137.	<b>CHƯƠNG X: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b>	<b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	
138.	<b>Điều 34</b> Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	<b>Điều 38</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	Bổ sung Kiểm soát viên phù hợp với Khoản 2 Điều 168 LDN2014
139.	<b>Khoản 1 Điều 35</b> Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của một tổ chức hoặc cá nhân khác	<b>Khoản 1 Điều 39</b> Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại <b>Điều 159 Luật doanh nghiệp</b> và các quy định pháp luật khác	Sửa đổi phù hợp với Điều 159 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
140.	<p><b>Khoản 2 Điều 35</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p><b>Khoản 2,3 Điều 39</b></p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>Sửa đổi tuân thủ quy định tại Điều 159 LDN2014</p>
141.	<p><b>Khoản 3 Điều 35</b></p> <p>Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu</p>	<p><b>Khoản 4 Điều 39</b></p> <p>Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điểm b Khoản 3 Điều 26 ND71</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	
142.	<p><b>Khoản 4 Điều 35</b></p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng</p>	<p><b>Khoản 5 Điều 39</b></p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 162 LDN2014

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</p>	<p>trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành, người quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	<p>khác và các tổ chức và cá nhân có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>	
143.	<p><b>Khoản 1 Điều 36</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và <b>người quản lý khác</b> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 40</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và <b>người điều hành khác</b> vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71.</p>
144.	<p><b>Khoản 2 Điều 36</b></p> <p>Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người quản lý, nhân viên hoặc là</p>	<p><b>Khoản 2, 3, 4 Điều 40</b></p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều</p>	<p>Trình bày lại nhưng vẫn phù hợp với LDN2014</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</li> <li>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</li> </ol> <p>Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát</p>	<p>hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</li> <li>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</li> </ol> </li> </ol>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
145.	<b>Khoản 3 Điều 36</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
146.	<p><b>Khoản 1 Điều 37</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong <b>Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 của Điều lệ này</b> có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao có công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 41</b></p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại <b>Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này</b> có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.</p>	Sửa đổi cho phù hợp

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
147.	<p><b>Khoản 2 Điều 37</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và người quản lý</b> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 41</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, <b>Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác</b> có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với định nghĩa trong NĐ71 và LDN2014</p>
148.	<p><b>Khoản 3 Điều 37</b></p> <p>Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 41</b></p> <p>Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, <b>ng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị</b>, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp ý cuối cùng Khoản 3 Điều 146 LDN2014</p>



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
149.	<p><b>Khoản 4 Điều 37</b></p> <p><b>Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.</b></p>	<p><b>Khoản 4 Điều 41</b></p> <p><b>Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</b></p>	
150.	<p><b>CHƯƠNG XII: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b></p>	
151.	<p><b>Điều 38</b></p> <p>1. ....</p> <p>2. <b>Những người quản lý</b> và công nhân viên trong Công ty làm việc theo chế độ hợp đồng lao động, được đảm bảo các quyền và phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật lao động và Hợp đồng lao động đã giao kết với Công ty.</p> <p>3. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua Quy chế về mối quan hệ công tác giữa Tổng Giám đốc Công ty và BCH công đoàn Công ty (gồm các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật</p>	<p><b>Điều 42</b></p> <p>1. ...</p> <p>2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Sửa đổi theo định nghĩa của NĐ71.</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	hiện hành).		
152.	<p><b>Điều 39, Điều 40</b></p> <p>[....]</p>	<p><b>Điều 43</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</li> <li>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</li> <li>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</li> <li>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông</li> </ol>	<p>Sửa đổi ngắn gọn phù hợp với LDN2014 (Điều 132), Luật Chứng khoán và các quy định liên quan của Sở GDCK, TTLKCK</p>

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
153.	<b>Điều 41</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
154.	<p><b>Điều 42</b></p> <p>Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp <b>Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.</b></p>	<p><b>Điều 45</b></p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp <b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.</b></p>	Sửa đổi thống nhất cách dùng từ của LDN2014
155.	<p><b>Khoản 1 Điều 43</b></p> <p>Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) <b>hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</b></p>	<p><b>Khoản 1 Điều 46</b></p> <p>Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), <b>chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</b></p>	Bổ sung cho rõ ràng
156.	<p><b>Khoản 2 Điều 43</b></p> <p>Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. <b>Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia.</b> Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 46</b></p> <p>Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt <b>và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.</b> Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty</p>	Bổ sung cho rõ ràng

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
157.	<p><b>Khoản 3 Điều 43</b></p> <p>Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.</p>	<p><b>Khoản 3 Điều 46</b></p> <p>Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. <b>Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</b></p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 4 TT200/2014/TT-BTC
158.	<p><b>CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b></p>	
159.	<p><b>Khoản 1 Điều 44</b></p> <p>Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Điều 46 của Điều lệ này</b>. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký báo cáo kiểm toán năm tài chính nhưng trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p><b>Khoản 1 Điều 47</b></p> <p>Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <b>Điều 49 Điều lệ này</b>, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật.</p>	Sửa đổi cho phù hợp

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
160.	<p><b>Khoản 2 Điều 44</b></p> <p>Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về <b>lãi và lỗ của Công ty</b> trong năm tài chính, <b>bảng cân đối kế toán</b> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	<p><b>Khoản 2 Điều 47</b></p> <p>Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về <b>lãi/lỗ của Công ty</b> trong năm tài chính, <b>báo cáo tình hình tài chính</b> phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p>	Sửa đổi cho phù hợp
161.	<b>Các khoản còn lại của Điều 44</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
162.	<p><b>Điều 46</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</li> <li>Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh</li> </ol>	<p><b>Điều 49</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</li> <li>Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</li> </ol>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p><b>2. Mỗi bản Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty khi gửi đi phải kèm theo một bản sao của báo cáo kiểm toán.</b></p> <p>3. Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Công ty được phép tham dự mọi cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề <b>có liên quan đến kiểm toán.</b></p>	<p><b>4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</b></p> <p>5. Kiểm toán viên <b>độc lập</b> thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề <b>có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</b></p>	
163.	<p><b>Điều 47</b></p> <p>1. <b>Con dấu của Công ty là tài sản của Công ty, được khắc theo mẫu quy định của pháp luật và được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền trước khi sử dụng.</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc <b>điều hành</b> chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.</p>	<p><b>Điều 50</b></p> <p>1. <b>Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.</b></p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
164.	<p><b>Điều 48</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>b. <b>Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</b></p>	<p><b>Điều 51</b></p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>...</p> <p>c. <b>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</b></p>	
165.	<b>Điều 49</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
166.	<p><b>Điều 50</b></p> <p>[...]</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;</p> <p>c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;</p> <p><b>d. Các khoản vay (nếu có);</b></p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f. Khoản còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ <b>các mục trên đây</b> sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ góp vốn. Các Cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ được</p>	<p><b>Điều 53</b></p> <p>[...]</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, <b>trợ cấp thôi việc</b>, bảo hiểm xã hội và <b>các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</b></p> <p>c. Nợ thuế;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>e. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ <b>mục (a) đến (e)</b> trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ</p>	Sửa đổi phù hợp Khoản 5, Khoản 6 Điều 202 LDN 2015



STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	ưu tiên thanh toán trước.	phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.	
167.	<p><b>Điều 51</b></p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:</p> <p>[...]</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay những <b>người quản lý khác; thì</b></p> <p>Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng <b>60 ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh</b>. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu <b>Chánh</b></p>	<p><b>Điều 54</b></p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:</p> <p>[...]</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay <b>người điều hành khác;</b></p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng <b>mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh</b>. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu</p>	

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p><b>án Toà án Nhân dân Thành phố Đà Nẵng</b> chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp các bên không hoà giải được trong vòng <b>60 ngày</b> kể từ ngày bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp đó ra <b>Trọng tài hoặc Tòa án Nhân dân có thẩm quyền giải quyết.</b></p>	<p>cầu <b>Trọng tài kinh tế</b> chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng <b>sáu (06) tuần</b> từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra <b>Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</b></p>	
168.	<b>Điều 52</b>	<b>Không có sự thay đổi</b>	
169.	<p><b>Điều 53</b></p> <p><b>Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 53 điều được thông qua một cách hợp lệ và được chấp thuận hiệu lực toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty tổ chức vào ngày 30/03/2013 và chấp thuận sửa đổi, bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty tổ chức vào ngày 20 tháng 05 năm 2017.</b></p> <p><b>Bản Điều lệ này chính thức thay thế cho Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông</b></p>	<p><b>Điều 56</b></p> <p><b>Bản điều lệ này gồm XXI chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung nhất trí thông qua ngày ..... tại Tp.Đà Nẵng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này; Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày .....</b></p>	Trình bày tóm gọn lại các nội dung trọng yếu

STT	NỘI DUNG ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	qua toàn văn tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30/3/2013, thông qua sửa đổi bổ sung tại phiên họp Đại hội cổ đông thường niên ngày 25/04/2015, thông qua sửa đổi bổ sung tại phiên họp Đại hội cổ đông bất thường ngày 05/12/2015.		